

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Phạm Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Phước T; nơi cư trú: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Hồng N; nơi cư trú: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 24/02/2020, nguyên đơn anh Lê Phước T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm thể hiện trong bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, anh Lê Phước T và chị Lê Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tre, quận Ngô

Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế từ cuối năm 2015. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị N có hai con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 15/8/2013 và Lê Thiên Mỹ L, sinh ngày 08/11/2015. Khi ly hôn, anh T đề nghị được nuôi con Lê Thiên A; chị N nuôi con Lê Thiên Mỹ L, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Chị Lê Hồng N trong bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa như sau:

Chị và anh Lê Phước T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế từ cuối năm 2015. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh T xác định tình cảm đối với chị N không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Lê Phước T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 15/8/2013 và Lê Thiên Mỹ L, sinh ngày 08/11/2015. Khi ly hôn, chị N đồng ý để anh T nuôi con Lê Thiên A; chị N nuôi con Lê Thiên Mỹ L, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Lê Hồng N có nơi cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Lê Phước T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên anh Lê Phước T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như anh T và chị N đã trình bày, hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, lối sống, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 không liên quan về tình cảm cũng như về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[5] Anh T và chị N có hai con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 15/8/2013 và Lê Thiên Mỹ L, sinh ngày 08/11/2015. Anh T đề nghị nuôi con Lê Thiên A; chị N nuôi con Lê Thiên Mỹ L. Vì vậy, giao con chung Lê Thiên A cho anh T nuôi; giao con chung Lê Thiên Mỹ L cho chị N nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[6] Anh T và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Phước T được ly hôn chị Lê Hồng N.

2. Về việc nuôi con:

Anh Lê Phước T và chị Lê Hồng N có hai con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 15/8/2013 và Lê Thiên Mỹ L, sinh ngày 08/11/2015. Giao con Lê Thiên A cho anh Lê Phước T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lê Thiên Mỹ L cho chị Lê Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Anh Lê Phước T không yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Lê Phước T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006558 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Lê Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Phước T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 16/9/2013);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương